

Số: **20** /2022/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **20** tháng **4** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Thực hiện Văn bản số 47/HĐND-CTHĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 26/TTr-STC ngày 16/3/2022, Báo cáo thẩm định số 31/BC-STP ngày 11/3/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Mục I Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo.

2. Sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 02 ban hành kèm theo.

3. Bổ sung Mục III.2, III.3, III.4 vào Mục III Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo.

4. Sửa đổi mục IV.2, IV.3, bổ sung các mục IV.4, IV.5, IV.6, IV.7, IV.8, IV.9 vào Mục IV Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo.

5. Sửa đổi Mục V Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo .

6. Bổ sung số thứ tự từ 3 đến 13 vào mục VII.1, số thứ tự từ 253 đến 372 vào mục VII.4 và bổ sung mới mục VII.6, VII.7, VII.8 tại Mục VII Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo.

7. Sửa đổi Mục VIII Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 07 ban hành kèm theo.

8. Bổ sung Mục XIX vào Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 08 ban hành kèm theo.

9. Bổ sung Mục XX vào Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng: chi tiết theo Phụ lục số 09 ban hành kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2022.

2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 47/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và định mức thiết bị chuyên dùng đảm bảo phù hợp thực tế, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hải Phòng và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *✍*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB QPPL);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT HĐND TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH HP, Báo HP;
- Công báo TP; Cổng TTĐT TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng CV;
- Lưu: VT. *✓*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4 / 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Sửa đổi, bổ sung Mục I Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
1	Máy in màu	Chiếc	7
2	Máy photocopy	Chiếc	3
3	Máy scan	Chiếc	4
I.1	TRUNG TÂM THÔNG TIN - TIN HỌC		
1	Máy chủ	Chiếc	1
2	Hệ thống thiết bị Wifi	Hệ thống	1
3	Thiết bị lưu trữ	Bộ	1
4	Bộ lưu điện	Bộ	1
5	Hệ thống Camera	Hệ thống	1

PHỤ LỤC SỐ 02

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
II	VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
Thiết bị dùng cho văn phòng			
1	Máy photocopy	Chiếc	2
2	Máy scan	Chiếc	3
3	Máy tính xách tay	Chiếc	10
4	Máy in màu	Chiếc	3
5	Máy in laser	Chiếc	10
6	Ổ lưu trữ mạng	Chiếc	2
7	Ổ cứng	Chiếc	4
8	Máy tính bảng	Chiếc	5
9	Máy chụp ảnh	Chiếc	2
10	Máy quay phim	Chiếc	1
11	Máy quét tài liệu	Chiếc	1
12	Máy tính để bàn	Chiếc	20
13	Máy in	Chiếc	2
14	Máy chủ	Chiếc	1
15	Thiết bị tường lửa	Chiếc	1
16	Thiết bị chuyển mạch mạng	Chiếc	1
17	Thiết bị lưu trữ	Chiếc	1
Thiết bị phục vụ kỳ họp số - di động của Hội đồng nhân dân thành phố			
18	Thiết bị định tuyến	Bộ	1
19	Thiết bị Wifi	Chiếc	11
20	Máy chủ	Chiếc	1
21	Bộ lưu điện	Bộ	1
22	Máy tính bảng	Chiếc	70
23	Máy tính xách tay	Chiếc	8
24	Màn hình hiển thị	Chiếc	3
25	Máy quét tài liệu để bàn	Chiếc	2
26	Máy ghi âm	Chiếc	5

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
27	Thiết bị và phần mềm chuyển đổi giọng nói sang văn bản	Bộ	1

PHỤ LỤC SỐ 03

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Bổ sung Mục III.2, III.3, III.4 vào Mục III Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
III	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
III.2	THANH TRA SỞ		
1	Máy bộ đàm và các thiết bị chuyển tiếp sóng	Chiếc	50
2	Cửa máy xách tay	Chiếc	1
	Thiết bị đo của các cơ sở kiểm định		
3	Thiết bị đo áp lực hơi của lốp xe cơ giới	Bộ	1
4	Thiết bị đo chiều cao hoa lốp xe cơ giới	Bộ	1
5	Thiết bị đo hiệu quả phanh xe cơ giới	Bộ	1
6	Thiết bị đo độ ồn	Bộ	1
7	Phương tiện đo nồng độ khí thải xe cơ giới	Bộ	1
8	Thiết bị đo âm lượng	Bộ	1
9	Thiết bị đo cường độ ánh sáng	Bộ	1
10	Thiết bị đo độ rơ góc của vô lăng lái xe cơ giới	Bộ	1
11	Thiết bị công nghệ thông tin có tích hợp Wifi, 3G, GPS; máy in cầm tay và các thiết bị công nghệ khác liên quan đến việc thu thập, ghi nhận chứng cứ thanh tra	Bộ	1
12	Phương tiện thiết bị kỹ thuật chuyên dùng khác như: máy đo nồng độ dầu, máy siêu âm công trình, máy đo tốc độ chạy tàu, đèn soi tia cực tím	Bộ	1
	Các phương tiện thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ		
13	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	Bộ	2
14	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	Chiếc	2
15	Thiết bị ghi âm và ghi hình	Chiếc	7
16	Thiết bị trích xuất dữ liệu thông tin từ thiết bị giám sát hành trình	Bộ	10
17	Thiết bị phát hiện giấy tờ, tài liệu giả	Bộ	3
III.3	CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
Phục vụ thu phí Hạ tầng cảng biển			
1	Máy chủ hệ thống thu phí	Bộ	7
2	Thiết bị lưu trữ	Bộ	1
3	Thiết bị mạng	Bộ	1
4	Thiết bị bảo mật	Bộ	1
5	Thiết bị ký số	Bộ	1
6	Router wireless	Bộ	2
7	Máy tính chuyên dụng, máy tính xách tay	Cái	2
8	Máy scan	Cái	3
9	Máy photocopy	Cái	1
Phục vụ nghiệp vụ chuyên môn Cảng vụ			
10	Máy chủ hệ thống cấp phép rời, vào điện tử	Bộ	1
11	Máy tính chuyên dụng, máy tính xách tay	Cái	5
12	Máy photocopy	Cái	1
13	Máy scan	Cái	6
14	Tivi 75 inch	Cái	5
15	Camera giám sát hoạt động của phương tiện, thủy phi cơ	Cái	20
16	Thiết bị định tuyến	Bộ	1
17	Máy đo độ sâu môn nước	Cái	3
18	Ống nhôm	Cái	15
19	Bộ đàm	Cái	15

PHỤ LỤC SỐ 04

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4 / 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Sửa đổi mục IV.2, IV.3, bổ sung các mục IV.6, IV.7, IV.8, IV.9 vào Mục IV Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
IV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
IV.2	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		
1	Tủ an toàn sinh học cấp 2	Bộ	4
2	Tủ bảo quản sinh phẩm 2 ngăn +0°+12°C / -5°-20°C- 500 L	Cái	2
3	Cân kỹ thuật 0.001 gam	Cái	3
4	Cân kỹ thuật 0.01 gam	Cái	3
5	Máy nghiền mẫu mô	Cái	1
6	Máy tách triết mẫu	Cái	1
7	Máy ly tâm dải Spindown	Chiếc	2
8	Máy lắc Vortex	Bộ	10
9	Tủ thao tác PCR	Bộ	2
10	Máy PCR veriflex	Bộ	1
11	Máy điện di ngang	Bộ	1
12	Bộ nguồn điện di	Bộ	1
13	Bàn soi UV	Bộ	1
14	Máy Realtime PCR	Bộ	2
15	Lò vi sóng	Cái	3
16	Cân điện tử	Cái	3
17	Máy xét nghiệm nước tiểu	Cái	1
18	Máy sinh hóa máu	Cái	1
19	Máy ủ incubator	Cái	4
20	Máy cất nước	Cái	2
21	Tủ lạnh có nhiệt độ	Cái	8
22	Tủ mát	Cái	2
23	Máy hút ẩm	Cái	10
24	Tủ sấy	Cái	6
25	Nồi hấp	Cái	4
26	Tủ âm sâu	Cái	3

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
27	Kính hiển vi	Cái	3
28	Màn hình kính hiển vi	Cái	1
29	Máy dập mẫu	Cái	2
30	Khuấy từ gia nhiệt	Cái	3
31	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
32	Máy đo pH thịt	Cái	2
33	Nhiệt ẩm kế	Cái	8
34	Tủ ẩm CO2	Cái	3
35	Kính hiển vi soi ngược	Cái	2
36	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	2
37	Kính hiển vi soi nổi	Cái	2
38	Máy ly tâm	Cái	3
39	Tủ âm sâu	Cái	3
40	Máy ly tâm	Cái	2
41	Máy đọc ELISA (Eon)	Cái	3
42	Máy rửa ELISA Elx50	Cái	2
43	Máy ủ lắc ELISA DTS-4	Cái	2
44	Máy in (nối vào máy đọc ELISA)	Cái	2
45	Máy đo pH nước	Cái	3
46	Máy tính để bàn	Cái	5
47	Máy in	Cái	5
48	Máy in màu	Cái	1
49	Máy Scan	Cái	2
50	Máy đo COD	Cái	2
51	Bộ phá mẫu	Cái	2
52	Micropipette cơ học đơn kênh thay đổi thể tích (2,5; 10; 100; 200; 1000 ul)	Bộ	3
53	Micropipet 8 kênh 50-300 µl	Cái	10
54	Micropipet 12 kênh 5-50 µl	Cái	10
55	Micropipet nhiều nấc 50-250 µl	Cái	10
56	Tủ lắc điều nhiệt	Cái	2
57	Nhiệt kế âm -5 đến 5 độ C	Cái	10
IV.3	Trung tâm Khuyến nông		
1	Máy PCR kiểm dịch bệnh tôm cá	Chiếc	2
2	Kính hiển vi	Chiếc	3
3	Máy ly tâm thường	Chiếc	1
4	Máy ly tâm lạnh	Chiếc	1

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
5	Máy điện di	Chiếc	1
6	Máy chụp bản gel phòng thí nghiệm	Chiếc	1
7	Phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật	phòng	1
8	Máy kiểm tra độ pH nước	cái	1
9	Máy phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng Nitrát, kim loại nặng, độ Britx	cái	2
10	Máy sơ chế, chế biến sấy lạnh nông sản	cái	1
11	Bút đo pH/EC/TDS/Nhiệt độ	cái	1
12	Máy đo độ mặn nước	cái	1
13	Hệ thống Internet of thing (IOT) quản lý trang trại và điều khiển tự động tưới	Bộ	1
14	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm, pH đất	Bộ	1
15	Máy PCR cầm tay chẩn đoán nhanh bệnh thú y	cái	1
16	Máy đo khí độc chuồng nuôi	cái	1
17	Máy quay Camera	Chiếc	1
18	Máy ảnh	Chiếc	1
19	Thiết bị phòng họp Zoom	Bộ	1
20	Máy photocopy	Chiếc	1
IV.4	Chi cục Thủy sản		
1	Tàu kiểm ngư	Chiếc	2
IV.5	Thanh tra Sở		
1	Tàu kiểm ngư	Chiếc	1
2	Máy ảnh chuyên dùng	Chiếc	2
3	Ống nhôm đi biển	Chiếc	1
4	Máy hút chân không	Chiếc	1
5	Máy Photocopy	Chiếc	1
6	Máy scan	Chiếc	1
IV.6	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Kính lúp cầm tay	Bộ	3
2	Kính soi nổi	Cái	2
3	Kính hiển vi	Cái	2
4	Tủ lạnh	Cái	2
5	Tủ sấy	Cái	2
6	Tủ định ôn	Cái	2
7	Tủ lưu, bảo quản mẫu	Chiếc	2
8	Bộ giải phẫu côn trùng	Bộ	2
9	Dụng cụ lấy mẫu; lưu mẫu	Bộ	2

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
10	Các loại dụng cụ phân tích giám định mẫu	Bộ	2
11	Các loại tủ, bàn ghế phục vụ cho công tác phân tích, giám định và lưu mẫu	Bộ	2
12	Mặt nạ phòng độc, máy đo nồng độ thuốc, máy phun vệ sinh.	Bộ	2
13	Máy đo nồng độ thuốc	Bộ	2
14	Máy phun vệ sinh.	Bộ	2
IV.7	Trường trung cấp nghề Thủy sản		
1	Máy Photocopy	cái	1
IV.8	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm và Thủy sản		
1	Cân kỹ thuật	Chiếc	1
2	Máy đo PH cầm tay	Chiếc	1
3	Bàn thí nghiệm hóa sinh	Chiếc	1
4	Máy cất nước	Chiếc	1
5	Máy đồng hóa	Chiếc	1
6	Máy li tâm	Chiếc	1
7	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	1
8	Tủ bảo quản mát	Chiếc	1
9	Tủ bảo quản đông	Chiếc	1
10	Thùng bảo ôn (21L đến 30 L)	Chiếc	3
11	Máy xay	Chiếc	1
12	Máy đo nhiệt độ chuyên dụng	Chiếc	1
13	Thiết bị kiểm tra vệ sinh bề mặt (thiết bị PCE ATP)	Chiếc	1
14	Máy đo An toàn thực phẩm	Chiếc	1
15	Máy rà kim loại	Chiếc	1
16	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	1
17	Máy ghi âm	Chiếc	1
IV.9	Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai		
1	Thiết bị đo độ sâu khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Chiếc	1
2	Thiết bị xác định khoảng cách	Chiếc	1
3	Máy đo độ mặn, đo nhiệt độ cầm tay	Chiếc	2
4	Thiết bị truyền hình trực tuyến, truyền hình, âm thanh phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai	Bộ	1
5	Thiết bị nguồn, lưu điện đảm bảo nguồn điện	Bộ	1

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
	phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai		
6	Máy chủ phục vụ lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai	Bộ	1
7	Máy tính xách tay	Chiếc	1
8	Màn hình theo dõi thông tin phòng, chống thiên tai	Chiếc	1
9	Phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai	Phần mềm	1
10	Trạm đo mực nước tự động, hạ tầng truyền tin thích hợp	Trạm	11
11	Trạm đo mưa, đo gió tự động, hạ tầng truyền tin thích hợp	Trạm	8
12	Hệ thống chống sét trực tiếp và sét lan truyền	Hệ thống	8
13	Hệ thống camera quan sát các trọng điểm xung yếu	Hệ thống	3
14	Máy đo độ mặn trong nước	Máy	2
15	Máy bay không người lái đáp ứng yêu cầu thu thập hình ảnh, tìm kiếm thông tin tiếp cận nơi đã, đang xảy ra thiên tai (drone, flycam)	Chiếc	2
16	Máy hồi âm đáp ứng yêu cầu kiểm tra công trình phòng, chống thiên tai	Chiếc	1
17	Máy định vị vệ tinh, la bàn để định vị, định hướng các khu vực thiên tai, công trình phòng, chống thiên tai	Chiếc	1
18	Thiết bị quan sát hiện trường trong điều kiện đêm và thiên tai, bão, lũ đã, đang xảy ra	Chiếc	1
19	Súng bắn đạn tín hiệu chuyên dùng cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra	Chiếc	2
20	Ống nhòm chuyên dùng các loại quan sát trong điều kiện thiên tai	Chiếc	2
21	Máy quay phim chuyên dùng các loại đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra	Chiếc	1
22	Máy bay Flycam	Chiếc	2
23	Máy ảnh chuyên dụng	Chiếc	3
24	Bộ dụng cụ chuyên dùng phục vụ cán bộ công	Bộ dụng cụ	5

TT	Chủng loại	ĐVT	Số lượng tối đa
	tác hiện trường đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra (Ba lô chống nước, túi ngủ, quần áo chuyên dùng, mũ, giày, dép, đèn pin, túi cấp cứu lưu động,...)		

PHỤ LỤC SỐ 05

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4 / 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Sửa đổi Mục V Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
V	SỞ VĂN HOÁ VÀ THỂ THAO		
A	Hệ thống ánh sáng biểu diễn		
1	Đèn Moving Beamspot	Cái	16
2	Đèn LED Par 5W*54 bóng	Cái	50
3	Đèn LED Par 5W*54 bóng ánh sáng vàng	Cái	20
4	Bàn điều khiển hệ thống ánh sáng	Cái	1
5	Bộ chia tín hiệu ánh sáng	Cái	2
6	Đèn Moving LED Wash	Cái	5
7	Đèn LED Focusing image	Cái	2
8	Máy khói	Cái	2
9	Công suất cho đèn Par64	Cái	2
10	Lá cắt góc cho đèn Par	Cái	20
11	Bóng đèn 1000W, socket GX9.5	Cái	20
12	Bóng Par 64 1000W	Cái	30
13	Tủ điện cho hệ thống ánh sáng	Cái	1
B	Hệ thống âm thanh		
14	Loa toàn dải linearray cao cấp	Cái	8
15	Loa siêu trầm treo cao cấp	Cái	2
16	Loa kiểm tra liên công suất dành cho sân khấu	Cái	4
17	Tủ công suất kết nối đồng bộ	Bộ	2
18	Bàn điều khiển âm thanh kỹ thuật số	Cái	1
19	Hộp Mixrack	Cái	1
20	Hộp tín hiệu vào và ra đặt trên sân khấu	Cái	2
21	Microphone cho đàn piano	Bộ	2
22	Microphone không dây cầm tay	Bộ	5
23	Microphone không dây cài ve áo	Bộ	10
24	Microphone đặt bục phát biểu siêu nhạy	Bộ	1
25	Bộ đàm phục vụ làm sự kiện	Cái	4
26	Giá treo loa linearray	Bộ	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
27	Tủ thiết bị 16U	Bộ	1
28	Tủ điện nguồn cho hệ thống	Cái	1
C	Hệ thống màn hình Led		
30	Màn hình Led P2.5 Indoor Full Color chính kích thước 9600x5440mm	m2	52
31	Màn hình Led P2.5 Indoor Full Color cánh bao gồm 4 màn mỗi màn 1600x4480mm	m2	29
32	Bộ xử lý hình ảnh	Bộ	2
33	Máy tính điều khiển cấu hình cao	Cái	1
34	Tủ điện nguồn tổng cho màn hình	Cái	1
35	Hệ khung cơ khí cho màn hình	Hệ thống	1
36	Phần mềm làm sự kiện	Gói	1
37	Tủ đựng thiết bị xử lý	Cái	1
D	Thiết bị đua thuyền		
38	Thuyền Kayak đơn K1	Cái	5
39	Thuyền Kayak đôi K2	Cái	3
40	Thuyền Kayak bốn K4	Cái	3
41	Mái chèo dùng chung cho thuyền Kayak	Cái	25
42	Máy kéo Kayak.	Cái	6
43	Thuyền Canoeing đơn C1	Cái	5
44	Thuyền Canoeing đôi C2	Cái	2
45	Thuyền Canoeing bốn C4	Cái	2
46	Mái chèo dùng chung cho thuyền Canoeing	Cái	20
47	Thuyền Rowing đơn Single 1X	Cái	5
48	Thuyền Rowing đôi Double 2X	Cái	2
49	Thuyền Rowing bốn Quad 4X	Cái	2
50	Mái chèo dùng cho thuyền Rowing	đôi	16
51	Máy kéo Rowing, HIIT Rower.	Cái	6
52	Giá để thuyền (dạng khung cố định)	Cái	15
53	Giá để thuyền lưu động (mẽ cứng)	Cái	15
54	Giá để thuyền lưu động (mẽ gấp) loại nhỏ.	đôi	15
55	Giá để thuyền lưu động (mẽ gấp) loại to.	đôi	15
56	Tháp để trọng tài đứng điều hành	Cái	4
57	Pongtong đóng hàng ngang	Bộ	6
58	Pongtong giữ thuyền	Bộ	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
59	Hàng phao nổi thẳng hàng trên làn đua (quả phao có màu vàng và đỏ đường kính mỗi quả phao 15cm, 8 hàng x 2150m/hàng)	Bộ	1
V.1	TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ DỤC THỂ THAO HẢI PHÒNG		
A	Phục vụ chuyên môn chung		
1	Máy photocopy	Cái	1
2	Máy hủy tài liệu	Cái	3
3	Máy scan	Cái	2
4	Máy chiếu	Cái	1
5	Máy phát điện	Cái	3
6	Hệ thống âm thanh và loa: Tăng âm 2.1 ch SUB PS1868G, công suất 1500W x 3CH Equalizer 4 tone, Digital echo Loa R+L 1000W x 2 Loa Sub 1500W	Bộ	2
7	Máy bơm nước 7,5KW	Cái	11
8	Máy hút bụi	Cái	5
9	Bảng điện tử	Cái	10
10	Máy lọc nước uống	Cái	30
11	Thiết bị lọc nước bể bơi	Bộ	20
12	Máy hút cặn bể bơi	Cái	1
13	Máy tập thể lực	Cái	20
14	Giá dép Inox 5 tầng bể bơi	Cái	15
15	Chạn bát Inox 3 nhà ăn vận động viên	Cái	15
16	Tủ hấp cơm 3 nhà ăn vận động viên	Cái	15
17	Tủ cấp đông	Cái	5
18	Tủ lưu mẫu thức ăn	Cái	3
19	Máy sấy bát đĩa	Cái	3
20	Bộ máy vi tính để bàn.	Bộ	2
21	Máy in	Cái	7
22	Máy massage trị liệu (dạng ủng)	Cái	1
23	Máy điện xung trị liệu.	Cái	2
24	Máy Laser trị liệu.	Cái	1
25	Máy siêu âm trị liệu.	Cái	1
26	Giường massage trị liệu.	Cái	3

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
27	Máy massage cầm tay	Cái	5
28	Đệm massage thư giãn	Cái	3
29	Bồn ngâm chân	Cái	5
30	Máy tập phục hồi chức năng	Bộ	5
31	Đèn hồng ngoại	Cái	5
32	Máy đo huyết áp	Bộ	2
33	Súng giải cơ	Cái	5
34	Xe đẩy điện tim	Cái	3
35	Máy tính để bàn	Bộ	5
36	Máy tính xách tay	Cái	2
37	Máy ảnh	Cái	1
38	Máy cắt cỏ đẩy tay	Cái	2
39	Máy cắt cỏ cầm tay	Cái	2
40	Cầu lên xuống thuyền	Bộ	2
41	Giàn tạ đa năng	Bộ	10
42	Thảm cao su giảm chấn	m2	80
43	Máy phun rửa áp lực cao	Bộ	2
44	Robot vệ sinh bể bơi	Cái	1
45	Máy hút cặn bể bơi	Cái	2
46	Tháp xuất phát	Cái	1
47	Bộ dụng cụ vệ sinh bể bơi (vợt vớt rác, chổi cọ ..)	Bộ	2
48	Dây phao (50m) bộ 9 dây	Bộ	1
49	Ghế cứu hộ cao 2m	Cái	5
50	Phao cứu hộ	Cái	20
51	Tháp đích	Cái	1
52	Pontoon giữ thuyền	Cái	6
53	Pontoon giống hàng và bấm giờ giữa quãng	Cái	4
54	Máy cắt cỏ sân bóng đá	Cái	1
55	Máy cắt cỏ (đeo vai)	Cái	1
56	Máy bơm tưới nước sân cỏ (1,5kw)	Cái	1
57	Máy hút bụi sân nhà thi đấu (robot)	Cái	1
B	Các môn thể thao		
	Trang thiết bị chuyên môn dùng chung cho các môn thể thao		
1	Dàn tạ đa năng	Bộ	25
2	Máy chạy thể lực	Bộ	25
3	Bộ tạ tập thể lực	Bộ	25

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
4	Máy tập bụng	Bộ	25
5	Camera	Cái	25
6	Xe đạp thể lực	Bộ	25
7	Tivi	Cái	6
8	Cân điện tử	Cái	10
9	Máy tính xách tay	Cái	25
10	Khung treo bao cát	Bộ	40
11	Khung treo bóng đấm	Bộ	40
12	Bộ loa phục vụ tập luyện	Bộ	8
	Môn Bắn cung		
1	Ống kính bắn cung	Cái	10
2	Thùng đựng cung	Cái	10
3	Thước ngắm bắn cung	Cái	10
4	Báng cung	Cái	10
5	Cánh cung	Cái	10
6	Cần thẳng bằng môn bắn cung	Cái	10
7	Máy cắt tên môn bắn cung	Cái	10
8	Giá đỡ tên môn bắn cung	Cái	10
9	Bộ cung	Bộ	20
10	Tên bắn cung	Hộp	30
11	Máy soi điểm	Bộ	2
12	Máy cân cung	Bộ	2
13	Máy làm dây cung	Bộ	1
14	Ống nhôm	Cái	15
	Môn Bắn súng		
1	Hệ thống bia bắn 50m	Bộ	30
2	Hệ thống bia bắn 25m	Bộ	10
3	Hệ thống bia bắn 10m	Bộ	40
4	Hệ thống bia bắn di động	Bộ	10
5	Thùng chứa đạn 50m	Bộ	30
6	Thùng chứa đạn 25m	Bộ	10
7	Bức chắn tuyến bắn	Bộ	40
8	Giường bắn	Cái	30
9	Bàn bắn	Cái	140
10	Tạ hỗ trợ	Bộ	10
11	Tạ tổng hợp	Bộ	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
12	Giá kê súng	Cái	8
13	Màn hình báo điểm điện tử	Bộ	8
14	Camera soi bia	Bộ	120
15	Cân cò	Bộ	2
16	Máy đo gia tốc	Bộ	4
17	Quần áo lót bắn chuyên dụng	Bộ	20
18	Quần áo bắn chuyên dụng	Bộ	20
19	Găng bắn	Cái	20
20	Giày bắn	Đôi	20
21	Mũ bắn	Cái	20
22	Kính bắn	Bộ	20
23	Chân bắn	Bộ	10
24	Ống ngắm di động	Bộ	10
25	Máy tính (kiểm tra kỹ thuật)	Bộ	20
26	Máy Laze kiểm tra kỹ thuật	Bộ	20
27	Máy nén khí	Bộ	2
28	Bình chứa khí	Bộ	2
29	Máy cắt cỏ	Cái	2
30	Súng ngắn nổ	Khẩu	15
31	Súng ngắn hơi	Khẩu	10
32	Súng trường nổ	Khẩu	10
33	Súng trường hơi	Khẩu	10
34	Súng trường hơi di động	Khẩu	10
35	Hòm đựng đạn	Cái	10
36	Hòm đựng súng	Cái	50
	Môn Bóng bàn		
1	Bàn bóng bàn	Bộ	6
2	Ring chắn bóng	Bộ	100
3	Máy bắn bóng	Bộ	6
4	Lưới chắn bóng	Bộ	6
	Bộ môn Bóng chuyền bãi biển		
1	Cột, lưới Bóng chuyền bãi biển	Bộ	2
2	Máy bắn bóng	Bộ	1
3	Cát chuyên dụng tập luyện và thi đấu	m3	400
	Môn Boxing - Kickboxing		
1	Máy tập phản xạ Boxing	Cái	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
2	Ring đài tập luyện, thi đấu	Bộ	2
3	Thảm xóp ghép tập luyện Boxing	m2	144
4	Khung treo bao cát Boxing	Khung	10
5	Khung treo bóng đấm Boxing	Khung	10
	Môn Bơi		
1	Bàn trượt bơi	Cái	20
2	Bàn trượt tập cạn	Cái	25
3	Đồng hồ đếm mạnh và huyết áp trong khi tập luyện	Cái	20
4	Phao bơi chấn sóng	Cái	20
5	Quần bơi công nghệ	Cái	20
6	Áo bơi công nghệ	Cái	20
	Môn Cầu lông		
1	Cột, lưới chuyên dụng	Bộ	5
2	Máy bắn cầu	Bộ	5
3	Thảm tập luyện và thi đấu Cầu lông	Bộ	6
	Môn Cử tạ		
1	Bục gỗ	Đôi	10
2	Ghế gấp bụng	Cái	1
3	Giá gánh tạ	Đôi	2
4	Giá tập cổ tay và đẩy bục	Cái	1
5	Giàn tạ đa năng	Bộ	1
6	Máy đập đùi	Cái	1
7	Máy kéo cơ lưng	Cái	1
8	Máy kéo đùi sau	Cái	1
9	Máy tập duỗi cơ đùi trước	Cái	1
10	Máy tập đẩy cơ ngực	Cái	1
11	Máy tính xách tay	Cái	2
12	Sàn tập luyện	Bộ	5
13	Sàn thi đấu	Bộ	5
14	Tạ thi đấu	Bộ	5
	Môn Đá cầu		
1	Cột, lưới chuyên dụng	Bộ	4
2	Thảm tập luyện và thi đấu Đá cầu	Bộ	4
	Môn Đấu kiếm		
1	Cuộn dây sàn tập đấu kiếm	Cái	5
2	Đòn đấu kiếm	Cái	5

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
3	Sàn tập luyện - thi đấu chuyên dụng	Bộ	5
4	Bộ điện đầu sàn đấu kiếm	Bộ	5
	Môn Điền kinh		
1	Bộ Bàn đạp thi đấu	Bộ	10
2	Bộ bục hỗ trợ	Bộ	2
3	Bộ đệm nhảy cao	Bộ	1
4	Bộ đệm Nhảy sào	Bộ	1
5	Bộ Đồng hồ (đo tốc độ cao)	Bộ	2
6	Bộ khung đỡ tạ đa năng	Bộ	2
7	Bộ Rào chạy	Bộ	8
8	Bộ Rào vượt chướng ngại vật	Bộ	1
9	Bộ Súng phát lệnh	Cái	1
10	Bộ Tạ tập tay	Bộ	3
11	Bộ Ván Nhảy 3 bước	Bộ	2
12	Bộ Ván Nhảy xa	Bộ	2
13	Bục nhún lò xo	Bộ	2
14	Cột đỡ xà ngang nhảy cao	Bộ	2
15	Cột đỡ xà ngang Nhảy sào	Bộ	2
16	Đĩa ném	Cái	20
17	Gậy Nhảy sào	Cái	10
18	Giá để bàn đạp	Cái	2
19	Giá để dụng cụ (tạ, lao, đĩa...)	Cái	2
20	Lao ném	Cái	20
21	Quả tạ ném	Quả	20
22	Rào hỗ trợ	Cái	30
23	Tạ xích	Cái	20
24	Xà ngang nhảy cao	Cái	10
25	Xe đẩy dụng cụ tập	Cái	2
26	Bộ tạ tập tay	Bộ	3
	Môn Đua thuyền		
1	Đồng hồ đo đường	Cái	5
2	Thuyền K1 Kayak	Cái	5
3	Thuyền C1 Canoeing	Cái	5
4	Chèo Kayak	Cái	10
5	Chèo Canoeing	Cái	10
6	Thuyền Rowing (đơn)	Cái	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
7	Chèo Rowing	Đôi	4
8	Thuyền K2 Kayak	Cái	2
9	Thuyền C2 Canoeing	Cái	2
10	Thuyền K4 Kayak	Cái	2
11	Thuyền C4 Canoeing	Cái	2
12	Thuyền Rowing (đôi)	Cái	2
13	Xuồng máy huấn luyện	Cái	2
	Môn Golf		
1	Máy đo khoảng cách golf Bushnell	Cái	2
2	Thiết bị đo Swing ngoài trời	Bộ	1
3	Bộ gậy đánh Golf (Ping, Titleist, Taylormade)	Bộ	9
4	Máy tập Golf 3D	Bộ	1
	Môn Judo		
1	Thảm tập luyện - thi đấu môn Judo	Bộ	5
2	Bộ thảm lót Judo	Bộ	5
	Môn Karate		
1	Bảng chấm điểm điện tử	Bộ	2
2	Máy tập phản xạ	Cái	2
3	Thảm xếp ghép tập luyện, thi đấu Karate	m2	144
	Môn Lặn		
1	Bình khí tài (Lặn)	Bình	10
2	Bộ đồ bơi công nghệ (Lặn)	Cái	15
3	Máy nén khí bình lặn	Bộ	2
4	Chân vịt chuyên dụng	Bộ	15
	Môn Nhảy cầu		
1	Cầu mềm tiêu chuẩn thi đấu	Bộ	2
2	Đệm dày (50cm)	Cái	20
3	Lưới bạt (nhỏ)	Bộ	2
4	Lưới bạt (to)	Bộ	2
5	Máy trượt	Bộ	6
6	Ròng rọc	Bộ	2
7	Chân đế cạn	Bộ	3
	Môn Thể dục Aerobic		
1	Bánh tạ	Cái	20
2	Bóng bán nguyệt	Quả	10
3	Dây cao su đàn hồi	Cái	20

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
4	Đòn tạ	Cái	10
5	Máy ép dẻo	Cái	6
6	Máy leo cầu thang	Cái	2
7	Thảm tập luyện và thi đấu	Bộ	2
8	Thảm ghép khởi động	Bộ	1
9	Xe đạp thể lực	Cái	3
10	Máy chạy đa năng	Cái	3
	Môn Thể dục dụng cụ		
1	Bộ loa đài thể dục dụng cụ	Bộ	5
2	Bộ thảm môn thể dục dụng cụ	Bộ	10
3	Bục, ván dậm nhảy thể dục dụng cụ	Cái	20
4	Ban rút thể dục	Cái	10
5	Thảm tự do thể dục dụng cụ	Bộ	20
6	Bục Step dụng cụ	Cái	20
7	Cầu thăng bằng thể dục	Cái	10
8	Cầu thăng bằng (cầu thấp)	Bộ	5
9	Đường nhào lộn trên thảm	Bộ	5
10	Giường nhún Thể dục dụng cụ	Bộ	5
11	Xà lệch	Bộ	5
12	Xà đơn nữ	Bộ	10
13	Bàn nhảy trống	Bộ	5
	Môn Pencak Silat		
1	Thảm Silat	Bộ	2
2	Thảm tập luyện Silat	Bộ	2
3	Thảm đánh ngã Silat	Bộ	2
	Môn Taekwondo		
1	Bộ chip điều khiển kết nối giáp, mũ điện tử	Bộ	1
2	Thảm xếp ghép tập luyện, thi đấu Taekwondo	m2	144
	Môn Thể dục thể hình		
1	Khung giàn kéo cáp	Cái	10
2	Máy banh đùi ngoài	Cái	2
3	Máy bay vai	Cái	2
4	Máy đạp mông	Cái	2
5	Máy đẩy ngực	Bộ	2
6	Máy đứng gánh đùi	Cái	2
7	Máy ép đùi trong	Cái	2

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
8	Máy ép ngực	Bộ	2
9	Máy inbody	Cái	2
10	Máy tập bụng	Bộ	2
11	Máy tập đùi	Bộ	2
12	Máy tập tay sau	Bộ	2
13	Máy tập vai	Bộ	2
14	Máy xoay eo	Cái	2
15	Máy xô dài, xô ngắn	Cái	2
16	Tạ đơn	kg	600
17	Xe đạp thể lực	Bộ	4
18	Xe đạp trượt tuyết	Cái	2
	Môn Vật		
1	Bạt da phủ đệm vật	Cái	5
2	Bạt phủ đệm vật	Cái	5
3	Bộ tạ môn vật	Bộ	10
4	Bộ thảm vật	Bộ	5
5	Đệm vật	Cái	5
6	Tạ bình vôi	Cái	10
	Môn Wushu		
1	Máy tập phản xạ	Cái	2
2	Sàn tập luyện và thi đấu Tán thủ	Bộ	1
3	Thảm tập luyện và thi đấu Taolu	Bộ	1
4	Thảm xếp ghép tập luyện Wushu	m2	160
V.2 ĐOÀN CẢI LƯƠNG HẢI PHÒNG			
A	Hệ thống âm thanh, ánh sáng		
1	Loa kiểm tra	Cái	4
2	Microphone cài áo, cài tai	Cái	30
3	Cáp âm thanh 16 đường	Cuộn	2
4	Cáp âm thanh 32 đường	Cuộn	2
5	Chân treo đèn	Cái	4
6	Bộ chia tín hiệu điều khiển ánh sáng	Cái	2
7	Card điều khiển ánh sáng	Cái	2
V.3 Trung tâm Văn hóa thành phố			
A	Hệ thống âm thanh, ánh sáng		
1	Đèn beam	Cái	30
2	Loa kiểm tra sân khấu	Cái	6

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
3	Loa toàn dải liên công suất	Cái	10
4	Máy tạo khói	Cái	4
5	Bàn mixer	Cái	3
6	Công suất đèn par ống	Cái	4
7	Đèn led	Cái	30
8	Đèn par led	Cái	30
9	Bộ Microphone không dây cầm tay	Bộ	6
10	Hệ thống sào đèn	Bộ	5
11	Điều khiển ánh sáng	Cái	20
12	Giá loa	Cái	10
13	Tủ đựng thiết bị	Cái	10
V.4 Trường Trung Cấp Văn Hóa Nghệ Thuật Và Du Lịch Hải Phòng			
A	HỘI TRƯỞNG		
I	Hệ thống Thiết bị âm thanh		
1	Microphone	Cái	16
2	Mixer	Cái	1
3	Công suất	Cái	4
4	Driver-rack	Bộ	1
5	Cáp âm thanh 30m	Bộ	2
6	Máy vi tính để bàn	Cái	1
7	Loa Full	Cái	2
8	Loa SUB	Cái	2
9	Máy hút ẩm	Cái	2
II	Hệ thống Thiết bị ánh sáng		
1	Đèn Moving BEAM 350	Cái	16
2	Đèn Par LED	Cái	10
3	Đèn Par COB	Cái	10
4	Khung kỹ thuật treo đèn	Bộ	2
5	Máy tính xách tay	Cái	1
6	Máy tạo khói	Cái	4
III	Điều hoà không khí		
1	Điều hoà tủ đứng (45000 BTU)	Cái	4
B	THIẾT BỊ PHÒNG THU		
1	Bàn trộn âm thanh Kỹ thuật số	Cái	1
2	Microphone	Cái	3
3	Tai nghe	Cái	3

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
4	Sound Card	Cái	2
5	Snake cable	Sợi	1
6	Ổn định điện áp Furman	Cái	1
7	Midi Keyboard	Cái	1
8	Máy vi tính	Cái	2
9	SMART TV	Cái	1
10	Loa monitor	Cái	4
11	Amplifier	Cái	1
12	Phần mềm thu âm bản quyền	Gói	1
13	Bàn ghế sofa phòng kĩ thuật	Bộ	1
14	Bàn ghế Studio	Bộ	1
V.5 BẢO TÀNG HẢI PHÒNG			
A Nghiệp vụ Trưng bày, tuyên truyền			
1	Bộ Máy chiếu lưu động (gồm máy tính xách tay, màn hình chiếu, máy chiếu)	Bộ	1
2	Tủ trưng bày hiện vật chuyên dùng	Tủ	5 tủ/phòng trưng bày
3	Hệ thống âm thanh cố định	Bộ	1
4	Hệ thống âm thanh di động	Bộ	3
5	Hệ thống đèn chiếu sáng trưng bày	Bộ	Từ 40-70 bộ/phòng trưng bày
6	Thiết bị điều hòa không khí phòng trưng bày	Cái	26
7	Máy hút ẩm bảo quản hiện vật trong các tủ trưng bày	Cái	Tính theo đầu tủ trưng bày
8	Máy ảnh	Cái	1
9	Máy ghi âm	Cái	3
10	Thiết bị media tương tác (màn hình cảm ứng đa nhiệm, màn hình tivi 55 inch)	Bộ	1
11	Hệ thống hướng dẫn tham quan tự động (Audioguide)	Bộ	1
B Nghiệp vụ Kiểm kê Bảo quản			

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
1	Máy hút ẩm bảo quản hiện vật trong kho bảo quản	Máy	10
2	Tủ lưu giữ hiện vật chuyên dùng	Cái	30
3	Giá để hiện vật chuyên dùng	Cái	60
4	Máy đo nhiệt độ phòng bảo quản hiện vật tư liệu	Cái	10
5	Máy đo độ ẩm phòng bảo quản hiện vật tư liệu	Cái	10
6	Máy đo ánh sáng phòng bảo quản hiện vật	Cái	10
7	Máy quét số hóa tư liệu hiện vật	Cái	1
8	Máy lọc không khí trong kho bảo quản	Cái	10
9	Xe nâng, chuyên chở hiện vật nặng trong kho	Cái	1
10	Các thiết bị số hóa và quản lý hiện vật, tư liệu, hình ảnh điện tử	Bộ	1
C Nghiệp vụ Di tích			
1	Máy quay phim	Cái	1
2	Máy ghi âm	Cái	3
3	Máy đo khoảng cách laze	Cái	1
V.6 TRUNG TÂM THÔNG TIN, TRIỂN LÃM VÀ ĐIỆN ẢNH			
A Thiết bị chuyên dùng cho nghiệp vụ Thông tin cổ động và triển lãm			
1	Máy scan	Cái	2
2	Máy tính xách tay	Cái	2
3	Máy in Laser	Cái	2
4	Máy hủy tài liệu	Cái	5
5	Máy photocopy	Cái	2
6	Máy in bạt	Cái	1
7	Máy in màu	Cái	7
8	Máy cắt chữ để can	Cái	4
9	Hệ thống âm thanh (phục vụ cho tuyên truyền và triển lãm) gồm: Loa thùng, loa Surround, tăng âm, bàn trộn tín hiệu Mixes, bộ lọc tần số nhiều Equalizer, Microphone không dây kèm bộ thu sóng, giá treo loa, phụ kiện đi kèm (dây cáp tín hiệu, dây mạng, dây loa, nguồn...)	Bộ	2
10	Hệ thống đèn Led, đèn soi tranh	Bộ	2
11	Máy in UV phẳng	Cái	1
12	Máy in UV cuộn	Cái	1
13	Máy in để can	Cái	1
14	Máy in ảnh Kỹ thuật số	Cái	1
15	Máy chụp ảnh	Cái	3

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
16	Máy chiếu	Cái	2
17	Máy phát điện	Cái	1
B	Thiết bị chuyên dùng cho chiếu phim		
1	Máy bơm chữa cháy động cơ điện	Cái	3
2	Máy bơm chữa cháy động cơ xăng	Cái	3
3	Máy quay chuyên dùng làm phim	Cái	1
4	Máy chụp ảnh kỹ thuật số	Cái	2
5	Đầu phát đọc phim HD	Cái	5
6	Ổ cứng	Cái	10
7	Màn ảnh chuyên dụng	Cái	5
8	Máy chiếu kỹ thuật số chuyên dùng cho chiếu phim lưu động	Bộ	3
9	Amplify chuyên dùng cho chiếu phim lưu động	Cái	3
10	Loa chuyên dùng cho chiếu phim lưu động	Bộ	3
11	Bàn dựng phim	Cái	1
	Thiết bị máy chiếu rạp:		
12	Máy chiếu phim kỹ thuật số ống kính zoom phù hợp và bóng đèn xeno	Bộ	5
13	Máy chủ chiếu phim kỹ thuật số	Bộ	5
14	Bộ lưu điện	Bộ	5
15	Hệ thống giá kê máy chiếu	Bộ	5
	Miệng hút gió cho máy chiếu		
	Cửa sổ cho máy chiếu, cửa sổ quan sát		
16	Màn ảnh	Bộ	5
	Màn ảnh trắng bạc độ sáng cao		
	Khung màn ảnh và giá loa các loại		
17	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1
	Bộ xử lý âm thanh		
	Minitor		
	Loa chính diện		
	Amplify cho loa chính diện		
	Loa siêu trầm		
	Amplify cho loa siêu trầm		
	Loa Surround		
	Âm ly cho loa surround		
	Giá treo loa Surround		
	Tủ thiết bị âm thanh		

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
	Phụ kiện kèm theo gồm dây cáp tín hiệu, dây mạng, nguồn (chưa có dây loa)		
18	Ổn áp 1 pha	Cái	5
19	Thiết bị máy chiếu đội	Bộ	2
	Máy chiếu phim		
	Độ sáng từ 4000-8000 ANSILUMENS		
	Độ phân giải Full HD		
	Nguồn điện từ 110v - 220v		
	Các cổng kết nối HDMI, VGA, AV		
20	Server chiếu phim gắn màn hình cảm ứng	Bộ	2
	Tích hợp ổ cứng		
	Có các đầu ra cho hình ảnh HDMI, DVI, VGA hỗ trợ độ phân giải Ful HD, 3D		
	Các đường ra âm thanh		
21	Hệ thống âm thanh và loa	Bộ	2
	Tăng âm		
	Equalizer 4 tone, Digital echo		
	Loa R + L		
	Loa Sub		
	Thùng để thiết bị gồm: Máy chiếu, Server chiếu phim, Amply...		
V.7 ĐOÀN NGHỆ THUẬT MÚA RỐI HẢI PHÒNG			
A	Ánh sáng:		
1	Đèn beam 450 smart	Cái	23
2	Đèn Par 64	Cái	8
3	Bộ card ánh sáng sunlite	Cái	2
4	Máy tính xách tay	Cái	1
B	Âm thanh:		
1	Bộ bàn điều khiển âm thanh cao cấp	Bộ	1
2	Microphone (cài lưng, clip on)	Bộ	20
3	Loa full range	Cái	4
4	Hộp kết nối tín hiệu số sân khấu và mixer	Cái	1
V.8 ĐOÀN KỊCH NÓI HẢI PHÒNG			
A	Thiết bị dùng cho công tác chung		
1	Máy tính xách tay	Chiếc	2
2	Máy scan	Chiếc	1

TT	Tên	ĐVT	Số lượng tối đa
3	Máy hủy tài liệu	Chiếc	1
4	Máy tính để bàn	Bộ	2
B	Hệ thống thiết bị âm thanh chuyên dùng		
1	Hệ thống loa các loại	Chiếc	6
2	Loa kiểm tra	Chiếc	4
3	Đầu cắm âm thanh nối từ bàn Mixer lên sân khấu	Chiếc	2
4	Bàn Mixer (kỹ thuật số)	Chiếc	1
5	Microphone không dây cầm tay (cài áo)	Chiếc	20
6	Loa Sub	Chiếc	4
7	Loa Array	Chiếc	8
8	Mixer âm thanh kỹ thuật số	Chiếc	2
9	Microphone (cài áo, cài tay)	Chiếc	60
10	Cáp âm thanh 16 đường	Cuộn	2
11	Cáp âm thanh 32 đường	Cuộn	2
12	Đầu Microphone cài áo (không có bộ thu phát)	Chiếc	20
13	Bộ tán sóng Microphone	Bộ	10
14	Máy tính xách tay cài đặt âm thanh	Chiếc	1
15	Bộ lọc tần số âm thanh	Bộ	2
16	Giá treo âm thanh	Chiếc	6
17	Tủ đựng thiết bị âm thanh	cái	10
C	Hệ thống thiết bị ánh sáng chuyên dùng		
1	Đèn Beam và đèn Moving	Chiếc	10
2	Đèn Par led	Chiếc	20
3	Đèn Par ống	Chiếc	15
4	Máy khói	Chiếc	2
5	Mixer điều khiển ánh sáng (kỹ thuật số)	Chiếc	1
6	Đèn Follow (chiếu nhân vật)	Chiếc	2
7	Card ánh sáng	Chiếc	2
8	Tủ đựng thiết bị ánh sáng	cái	10
9	Giá treo ánh sáng	chiếc	6

PHỤ LỤC SỐ 06

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/ 4/ 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Bổ sung số thứ tự từ 3 đến 13 vào mục VII.1, số thứ tự từ 253 đến 372 vào mục VII.4 và bổ sung mới mục VII.6, VII.7, VII.8 tại Mục VII Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
VII	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
VII.1	CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG		
3	Bộ quả cân chuẩn E1,E2,F1, F2 vật liệu Inox	Bộ	2
4	Quả cân chuẩn hạng M1	Bộ	1
5	Bộ thiết bị kiểm định cân quá tải xách tay	Bộ	1
6	Cân chuẩn các loại	Bộ	1
7	Chuẩn kiểm định huyết áp kế điện tử tự động	Chiếc	1
8	Bộ bình chứa mẫu gas	Cái	1
9	Bộ dụng cụ lấy mẫu xăng dầu di động	Bộ	6
10	Bộ máy chiếu	Bộ	2
11	Máy phát điện	Bộ	2
12	Bộ thiết bị phục vụ họp trực tuyến	Cái	1
13	Bộ thiết bị phòng cháy chữa cháy (máy bơm nước...)	Bộ	1
VII.4	TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG		
253	Bộ quả cân chuẩn E1 vật liệu Inox	Bộ	2
254	Bộ quả cân chuẩn E2 vật liệu Inox	Bộ	2
255	Bộ quả cân chuẩn F1 vật liệu Inox	Bộ	2
256	Bộ quả cân chuẩn F2 vật liệu Inox	Bộ	2
257	Bộ quả cân chuẩn M1	Bộ	2
258	Quả cân chuẩn hạng M1 loại 500kg bằng thép	Quả	12
259	Bộ thiết bị kiểm định cân quá tải xách tay	Bộ	1
260	Cân chuẩn so sánh 121g/220g; độ phân giải: 0.005mg/ 0.01mg;	Chiếc	1
261	Cân chuẩn so sánh 2.3 kg; độ phân giải: 0.1 mg;	Chiếc	1
262	Cân chuẩn so sánh 50kg kg; độ phân giải: 0,1 g	Chiếc	1
263	Thiết bị chỉ thị lực hiện số đa kênh	Chiếc	1
264	Bộ Load cell chuẩn lực dạng kéo + nén: 5kN/50kN/100kN	Bộ	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
265	Bộ Load cell chuẩn lực dạng nén (300kN/1000kN/3000kN)	Bộ	1
266	Bộ chuẩn mô men lực điện tử.	Bộ	1
267	Bộ bàn gá đầu chuẩn mô men và tạo mô men bằng tay quay	Bộ	1
268	Thiết bị hiệu chuẩn bàn MAP/bàn rà chuẩn	Chiếc	1
269	Thanh căn mẫu hiệu chuẩn thước cặp, thước đo cao Insize đến 1000 mm	Thanh	1
270	Bộ căn mẫu song phẳng cấp 0 (class 0)	Bộ	1
271	Bộ gá căn mẫu song phẳng	Bộ	1
272	Thiết bị kiểm định đồng hồ so/đồng hồ đo lỗ	Bộ	1
273	Thước kính chuẩn. Giá trị độ chia 0,1 mm. Độ chính xác $\Delta \leq (0,5 + L/1000) \mu\text{m}$,	Chiếc	3
274	Thước kính đọc. Giá trị độ chia 0,5 mm. Độ chính xác $\Delta \leq (1,5 + 2L/1000) \mu\text{m}$	Chiếc	3
275	Bộ căn mẫu chuẩn độ nhám bề mặt	Bộ	1
276	Bộ tấm chuẩn phi kim (hiệu chuẩn máy đo chiều dày lớp phủ)	Bộ	1
277	Hệ thống chuẩn kiểm định đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử	Hệ thống	1
278	Bộ thiết bị kiểm định bể đông cố định bằng phương pháp dung tích	Bộ	1
279	Bộ bình chuẩn dung tích bằng thủy tinh từ 0.01L đến 10L;	Bộ	1
280	Bộ bình chuẩn kim loại hạng I đến 200L; CCX 0,02%	Bộ	1
281	Bộ pipet chuẩn CCX 0,02%	Bộ	1
282	Bể chuẩn nhiệt dạng lồng. Độ phân dải : 0,1 ^o C và 0,01 ^o C	Chiếc	1
283	Bể điều nhiệt dải thấp. Độ phân dải : 0.01 ^o C	Chiếc	1
284	Lò tạo nhiệt dải trung. Độ phân giải: 0.01 ^o C cho thang nhiệt đến 99 ^o C và 0.1 ^o C cho thang nhiệt lớn hơn 100 ^o C	Chiếc	1
285	Lò tạo nhiệt độ dải cao. Độ phân giải: 0.1 ^o C, 1 ^o C	Bộ	1
286	Thiết bị chỉ thị nhiệt độ chuẩn kiểu điện tử.	Chiếc	2
287	Bộ thiết bị kiểm định nhiệt kế y học	Bộ	1
288	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nồi hấp tiệt trùng kèm bộ tải giữ liệu đa kênh	Bộ	1
289	Tủ môi trường / Buồng khí hậu	Chiếc	1
290	Bộ điều khiển nhiệt ẩm	Chiếc	1
291	Đầu đo nhiệt độ kiểu nhiệt kế điện trở RTD	Chiếc	5
292	Thiết bị chuẩn đa năng mô phỏng tín hiệu đa năng cho các cặp nhiệt PT100, TC	Chiếc	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
293	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt kế hồng ngoại	Chiếc	1
294	Bộ thiết bị hiệu chuẩn nhiệt kế bức xạ công nghiệp	Bộ	1
295	Thiết bị đo đa năng chuẩn 7½ digit	Chiếc	1
296	Nguồn hiệu chuẩn điện đa năng (Máy hiệu chuẩn điện đa năng)	Chiếc	1
297	Hộp điện dung chuẩn giá trị lớn	Chiếc	1
298	Hộp điện cảm chuẩn	Chiếc	1
299	Thiết bị đo công suất 1 pha và 3 pha	Chiếc	2
300	Bộ thiết bị kiểm định huyết áp kế điện tử	Bộ	1
301	Bộ thiết bị kiểm định phương tiện đo áp suất khí quyển (baromet)	Bộ	1
302	Bàn tạo áp suất khí nén (có khả năng tạo áp suất khí nén và áp suất chân không)	Chiếc	2
303	Bộ thiết bị hiệu chuẩn máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	Bộ	1
304	Hệ thống thiết bị kiểm định phương tiện đo khí thải xe cơ giới	Hệ thống	1
305	Liều xạ kế cá nhân	Chiếc	10
306	Bộ phantom chuẩn kiểm định chất lượng hình ảnh máy X Quang vú	Bộ	1
307	Thiết bị phát hiện phóng xạ hạt nhân (alpha, beta, gamma, neutron)	Bộ	1
308	Bộ phantom chuẩn kiểm định các máy chụp X-Quang răng	Bộ	1
309	Bộ phantom kiểm định thiết bị X quang tăng sáng truyền hình	Bộ	1
310	Bộ phantom chuẩn kiểm định các máy chụp X-Quang vú	Bộ	1
311	Thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn máy thở và gây mê kèm thở	Bộ	1
312	Bộ thiết bị kiểm định, hiệu chuẩn máy đốt điện cao tần (Dao mổ điện)	Bộ	1
313	Máy kiểm tra hiệu chuẩn máy sốc tim và máy tạo nhịp tim ngoài	Bộ	1
314	Thiết bị phân tích kiểm tra an toàn điện cho các máy y tế	Bộ	1
315	Thiết bị kiểm tra hiệu chuẩn cho máy chiếu vàng da	Bộ	1
316	Thiết bị kiểm tra máy chạy thận nhân tạo	Bộ	1
317	Bộ thiết bị kiểm tra hiệu chuẩn lồng ấp trẻ sơ sinh	Bộ	1
318	Mẫu chuẩn để kiểm tra máy siêu âm màu 3D và 4D	Bộ	1
319	Bộ phantom chuẩn kiểm tra hiệu chuẩn máy siêu âm y tế	Bộ	1
320	Thiết bị kiểm tra, hiệu chuẩn công suất siêu âm của các thiết bị	Bộ	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
	siêu âm y tế		
321	Phantom đánh giá chất lượng đầu dò siêu âm y tế	Bộ	1
322	Thiết bị đo nồng độ khí CO, NO, SO ₂ , NO ₂	Chiếc	2
323	Thiết bị pha loãng khí chuẩn	Hệ thống	1
324	Thiết bị đo độ dẫn điện	Chiếc	2
325	Thiết bị đo nồng độ oxy hòa tan chuẩn	Chiếc	2
326	Máy khuấy dung dịch	Chiếc	2
327	Thiết bị đo Amoni	Chiếc	2
328	Thiết bị đo COD	Chiếc	2
329	Tỷ trọng kế chuẩn	Chiếc	2
330	Thiết bị chuẩn đo khối lượng riêng	Chiếc	2
331	Thiết bị đo điện cao áp	Chiếc	1
332	Máy phát tín hiệu hiệu chuẩn điện đa năng	Chiếc	2
333	Thiết bị hiệu chuẩn độ dài	Chiếc	1
334	Thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ âm sâu	Chiếc	1
335	Nhiệt ẩm kế	Chiếc	10
336	Khúc xạ kế	Chiếc	2
337	Bể điều nhiệt có nhiệt độ âm sâu (-15 ÷ 25)0C. Bể có chiều cao 1,5 m đặt được bom khí LPG	Chiếc	3
338	Áp kế chuẩn	Chiếc	2
339	Kính hiển vi có kết nối phần mềm lưu thư viện vân gỗ để định danh gỗ (02) và đọc đĩa petri (01)	Bộ	3
340	Máy xác định độ màu của nước	Chiếc	1
341	Máy quang phổ phát xạ ICP-MS	Hệ thống	1
342	Sắc ký ion	Chiếc	2
343	Máy xơ thô	Chiếc	2
344	Thiết bị đo độ oxy hòa tan	Chiếc	2
345	Cân phân tích Metler toledo	Chiếc	3
346	Tủ sấy	Chiếc	5
347	Thiết bị chuẩn độ điện thế	Hệ thống	1
348	Máy đo pH có đo độ dẫn điện	Chiếc	5
349	Máy Xray	Chiếc	1
350	Tủ ẩm (5 ÷ 70) 0C	Chiếc	2

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
351	Máy đếm khuẩn lạc có kính lúp	Chiếc	1
352	Máy so mẫu (bao gồm Máy bao gói và Khay định lượng)	Chiếc	1
353	Đèn cực tím 365nm	Chiếc	1
354	Tủ bảo quản mẫu	Chiếc	2
355	Máy dập đồng nhất mẫu vi sinh	Chiếc	1
356	Bộ chuẩn vân gổ	Bộ	2
357	Thiết bị chung cất đạm bán tự động	Bộ	2
358	Thiết bị đo điện trở đất	Chiếc	1
359	Thiết bị khuôn tạo mẫu thử nghiệm dây cáp điện	Bộ	1
360	Thiết bị thử cách điện cao áp 10 kV	Chiếc	1
361	Tủ lão hóa	Chiếc	1
362	Thiết bị thử nghiệm khả năng chống cháy của cáp điện theo TCVN 9618-21	Bộ	1
363	Hệ thống thử nghiệm tương thích điện từ theo QCVN 9 : 2012/BKHCN (cần chuyên gia tư vấn các thiết bị)	Hệ thống	1
364	Thiết bị kiểm tra độ bền của công tắc trong các thiết bị gia dụng	Bộ	1
365	Thiết bị thử nghiệm bảng mạch in có phủ (cần chuyên gia tư vấn)	Bộ	1
366	Máy phóng hình Projector (x10, x20, x50, x100)	Chiếc	1
367	Thử nghiệm độ bền chèn và rút trong thử nghiệm ẩm điện	Bộ	1
368	Máy quang phổ phát xạ phân tích thành phần hóa học nhôm, hợp kim nhôm	Chiếc	1
369	Máy quang phổ phát xạ phân tích thành phần hóa học kẽm, hợp kim kẽm	Chiếc	1
370	Thiết bị thử nén đệm cao su chống va	Chiếc	1
371	Mẫu chuẩn (CRM) thép và hợp kim phân tích thành phần hóa học	Mẫu	10
372	Thiết bị tạo nhiệt độ (-60 ÷ 0)°C	Chiếc	1
VII.6	TRUNG TÂM THÔNG TIN, THỐNG KÊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		
1	Máy quay video + Chân máy quay chống rung + Microphone thu âm chuyên dụng + Đèn trợ sáng	Bộ	1
2	Hệ thống dựng video-clip (máy tính + thiết bị thu âm + các phần mềm) chuyên dùng	Bộ	1
3	Hệ thống tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn trực tuyến	Hệ	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
		thống	
4	Thiết bị số hoá tài liệu (scan chuyên dụng)	Chiếc	2
5	Máy in màu	Chiếc	1
6	Máy Photocopy	Chiếc	1
7	Màn hình tương tác thông minh	Chiếc	1
8	Màn hình Led hội trường	Chiếc	1
9	Thiết bị âm thanh hội trường phục vụ hội nghị, hội thảo, tập huấn	Bộ	1
10	Máy chiếu + Màn chiếu	Bộ	1
VII.7	KHOẢNG VĂN PHÒNG SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ		
1	Ổng dung chia độ loại 100ml	Chiếc	1
2	Ổng dung chia độ loại 200ml	Chiếc	1
3	Ổng dung chia độ loại 500ml	Chiếc	1
4	Ổng dung chia độ loại 1.000ml	Chiếc	1
5	Bình đong chuẩn kim loại hạng 2 loại 3 lít	Chiếc	1
6	Bình đong chuẩn kim loại hạng 2 loại 20 lít	Chiếc	1
7	Liều kế cá nhân	Chiếc	4
8	Thiết bị đo liều bức xạ	Chiếc	1
9	Máy photocopy	Chiếc	1
10	Máy scan	Chiếc	2
VII.8	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO		
1	Giàn giá nuôi cấy mô có điện, hẹn giờ	Bộ	10
2	Cân phân tích	Cái	2
3	Máy đo pH	Cái	3
4	Máy lọc không khí	Cái	1
5	Tủ sấy nhiệt độ cao	Cái	1
6	Kính hiển vi	Cái	1
7	Máy lọc nước RO	Cái	1
8	Máy hút bụi	Cái	1
9	Máy rửa dụng cụ thí nghiệm	Cái	1
10	Máy điều hòa nhiệt độ 2 chiều	Cái	2
11	Tủ đựng hóa chất	Cái	3
12	Bàn thí nghiệm	Cái	2
13	Tủ lạnh	Cái	2
14	Hệ thống lên men vi sinh tự động 200 lít	Bộ	2

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
15	Máy trộn vi sinh tự động	Cái	1
16	Máy dập date	Cái	1
17	Máy đóng bao	Cái	1
18	Máy nghiền	Cái	2
19	Bàn thao tác mẫu	Cái	4
20	Nồi hấp	Cái	3
21	Bóc cấy vi sinh	Cái	4
22	Máy lắc đơn	Cái	2
23	Giàn giá	Cái	20
24	Hệ thống trộn nguyên liệu đóng bịch nấm	Cái	1
25	Máy đóng bịch nấm tự động	Cái	1
26	Hệ thống phun ẩm tự động	Cái	3
27	Máy đánh tơi nguyên liệu	Cái	1
28	Máy thụ tinh nhân tạo cho gà	Cái	2
29	Máy áp lực vệ sinh chuồng nuôi	Cái	2
30	Máy ấp trứng đa kỳ	Cái	2
31	Máy nở đa kỳ	Cái	2
32	Máy sưởi úm gà	Cái	2
33	Máy phối trộn thức ăn	Cái	2
34	Dụng cụ thụ tinh nhân tạo cho gà	Bộ	10
35	Máy hàn mỏ gà	Cái	2
36	Màn hình Led cho hội trường của các trụ sở làm việc	Chiếc	3
37	Máy chủ	Máy	3
38	Hệ thống thiết bị phục vụ tổ chức sự kiện trực tuyến	Hệ thống	3
39	Máy photo tự động lật giấy 2 mặt	Chiếc	3
40	Máy scan 2 mặt	Chiếc	3
41	Máy ảnh chuyên dùng	Chiếc	3
42	Máy in màu	Chiếc	3

PHỤ LỤC SỐ 07

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Sửa đổi Mục VIII Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
VIII	SỞ NỘI VỤ		
1	Máy chủ, thiết bị tường lửa, thiết bị chuyển mạch mạng	Bộ	1
2	Máy photocopy	Chiếc	2
3	Máy tiêu hủy tài liệu	Chiếc	2
4	Máy scan	Chiếc	6
5	Hệ thống CAMERA; Microphone, các thiết bị phòng họp trực tuyến	Hệ thống	1
6	Máy tính xách tay	Chiếc	10
7	Máy in màu	Máy	1
8	Máy tính bảng	Chiếc	4
9	Máy chụp ảnh	Bộ	1
10	Máy ghi âm	Bộ	1
VIII.1	CHI CỤC VĂN THƯ - LƯU TRỮ		
1	Máy khử Axit 1 CM3000	Chiếc	1
2	Hệ thống báo cháy	Hệ thống	1
3	Hệ thống chữa cháy FM200 (khí)	Hệ thống	1
4	Hệ thống CAMERA; PA(hệ thống âm thanh); Báo trộm chống đột nhập; AC (hệ thống kiểm soát ra vào)	Hệ thống	1
5	Hệ thống thang máy (chuyên chở tài liệu)	Hệ thống	1
6	Máy biến áp 3 pha	Máy	1
7	Máy chủ SERVER	Bộ	5
8	Thiết bị lưu trữ SAN	Bộ	1
9	Thiết bị chuyển mạch lưu trữ	Bộ	1
10	Thiết bị chuyển mạch trung tâm	Bộ	2
11	Thiết bị tường lửa	Bộ	1
12	Thiết bị lưu điện máy chủ	Bộ	1
13	Máy tính xách tay	Bộ	2
14	Máy vi tính	Bộ	20
15	Máy quét ảnh	Chiếc	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
16	Máy in màu	Chiếc	2
17	Máy Photocopy	Chiếc	2
18	Máy hút ẩm (01 chiếc/kho)	Chiếc	10
19	Quạt thông gió (01 chiếc/kho)	Chiếc	10
20	Dụng cụ đo nhiệt độ và độ ẩm (01 cái/kho)	Chiếc	10
21	Máy hút bụi khô và ướt	Chiếc	5
22	Máy scan	Chiếc	6
23	Máy làm sạch bụi và nấm trong tài liệu	Bộ	1
24	Xe vận chuyển tài liệu Inox	Chiếc	5
25	Xe phơi tài liệu	Chiếc	6
26	Tủ lưu bản đồ	Chiếc	8
27	Giá kệ di động lưu tài liệu	Chiếc	500
28	Giá kệ di động lưu phim ảnh.	Chiếc	64
29	Giá kệ cố định lưu tài liệu	Chiếc	480
VIII.2	BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG		
1	Máy in màu	Bộ	1
2	Máy in giấy khen bằng khen	Chiếc	1
3	Máy Scan	Chiếc	1
VIII.3	BAN TÔN GIÁO		
1	Máy tính xách tay (soạn thảo, lưu trữ VB Mật)	Chiếc	5
2	Máy in màu (in ảnh các cơ sở thờ tự)	Chiếc	2
3	Máy hủy tài liệu (tiêu hủy tài liệu Mật)	Chiếc	5
4	Máy Photocopy	Chiếc	1
5	Máy scan	Chiếc	2

PHỤ LỤC SỐ 08

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/4 / 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Bổ sung Mục XIX Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
XIX	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG		
XIX.1	Văn phòng Sở		
1	Máy Photocopy	Chiếc	3
2	Máy in màu	Chiếc	2
3	Máy vi tính xách tay	Chiếc	5
4	Máy Scan A ³	Chiếc	3
5	Máy Scan A ⁴	Chiếc	5
6	Máy in laser A ⁴	Chiếc	4
7	Máy in A ³	Chiếc	2
8	Máy chủ	Chiếc	1
9	Máy phát điện	Chiếc	1
10	Thiết bị tra cứu thông tin đa năng	Bộ	1
11	Phần mềm tin học hóa	Bộ	1
12	Hệ thống Camera giám sát	Hệ thống	1
13	Máy tính để bàn	Bộ	1
14	Hệ thống mạng Lan, đường truyền	Hệ thống	1
15	Màn hình ti vi trình chiếu video hướng dẫn thủ tục hành chính	Bộ	1
16	Máy chiếu	Bộ	3
17	Máy tính để bàn (Soạn thảo văn bản mật)	Bộ	5
18	Bộ lưu điện	Bộ	3
19	Màn hình ti vi	Chiếc	1
20	Phần mềm cơ sở dữ liệu tài nguyên nước	Bộ	1
21	Máy bấm tọa độ GPS cầm tay	Chiếc	1
22	Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Chiếc	1
23	Thiết bị phục vụ đo lưu lượng	Chiếc	1
24	Máy toàn đạc điện tử	Chiếc	1
25	Máy thủy bình	Chiếc	1
26	Máy đo sâu	Chiếc	1
27	Máy định vị vệ tinh (GNSS - RTK)	Chiếc	2

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
28	Máy định vị vệ tinh cầm tay (GPS)	Chiếc	2
29	Máy đo khoảng cách laser	Chiếc	1
30	Bộ đàm	Chiếc	2
31	Máy chụp ảnh	Chiếc	3
32	Phần mềm chuyên dùng (Bản đồ địa chính và viễn thám, có bản quyền, khóa cứng)	Bộ	1
33	Máy quay Camera	Chiếc	2
34	Máy ghi âm	Chiếc	2
35	Ổ lưu trữ ngoài	Chiếc	3
XIX.2	Chi cục Biển và Hải đảo		
1	Máy in	Chiếc	3
2	Máy scan	Chiếc	1
3	Máy photocopy	Chiếc	1
4	Máy in màu	Chiếc	1
5	Máy tính xách tay	Chiếc	5
6	Máy chiếu	Bộ	1
7	Thiết bị tường lửa	Bộ	1
8	Máy định vị GPRS	Chiếc	2
9	Máy quay camera	Chiếc	2
10	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	2
11	Ống nhòm	Chiếc	2
12	Bộ đồ bơi (lặn)	Bộ	5
13	Phần mềm quản lý tài liệu	Bộ	1
XIX.3	Chi cục Bảo vệ Môi trường		
1	Máy Photocopy đa chức năng	Chiếc	1
2	Máy Scan 2 mặt tự động A4	Chiếc	1
3	Máy tính xách tay	Chiếc	2
XIX.4	Chi cục Quản lý đất đai		
1	Máy photocopy	Chiếc	3
2	Máy scan	Chiếc	1
3	Máy in A4	Chiếc	5
4	Máy in A3	Chiếc	3
5	Máy in màu	Chiếc	3
6	Máy tính xách tay	Chiếc	2
7	Máy tính bảng	Chiếc	2
8	Máy chụp ảnh	Chiếc	2

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
9	Máy quay phim	Chiếc	2
10	Máy quét tài liệu	Chiếc	1
11	Máy chiếu	Chiếc	1
12	Thiết bị tường lửa	Chiếc	1
13	Thiết bị lưu trữ	Chiếc	1
14	Ổ lưu trữ mạng	Chiếc	1
15	Ổ cứng	Chiếc	2
16	Bộ lưu điện	Chiếc	15
17	Phần mềm quản lý tài liệu	Bộ	1
XIX.5	Trung tâm Phát triển Quỹ đất		
1	Máy Photocopy	Chiếc	2
2	Máy in màu	Chiếc	3
3	Máy in laser	Chiếc	5
4	Máy scan	Chiếc	2
5	Máy tính xách tay	Chiếc	3
6	Máy chụp ảnh kỹ thuật số	Chiếc	1
7	Máy quay camera	Chiếc	1
8	Máy chiếu + phòng chiếu	Chiếc	1
9	Máy trắc đạc	Chiếc	1
10	Thiết bị lưu trữ	Chiếc	1
XIX.6	Văn phòng Đăng ký đất đai		
1	Máy in A ³ 2 mặt	Chiếc	15
2	Máy Scan A ³ 2 mặt	Chiếc	15
3	Máy in A ⁰	Chiếc	1
4	Máy định vị vệ tinh đa tần GNSS	Chiếc	3
5	Máy đo toàn đạc	Chiếc	2
XIX.7	Quỹ Bảo vệ môi trường		
1	Máy photocopy	Chiếc	1
2	Máy scan	Chiếc	2
3	Máy tính xách tay	Chiếc	2
4	Máy ảnh	Chiếc	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Máy quét	Chiếc	1
7	Máy in màu	Chiếc	1
8	Hệ thống camera quản lý kho quỹ	Hệ thống	1

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
9	Hệ thống báo động	Hệ thống	1
10	Két chuyên dùng để tài sản	Chiếc	1
11	Máy hút bụi	Chiếc	1
12	Thiết bị lưu trữ dữ liệu kế toán	Chiếc	1
XIX.8	Trung tâm Kỹ thuật-Dữ liệu, Thông tin tài nguyên và môi trường		
1	Máy in khổ A3	Chiếc	02
2	Máy Photocopy	Chiếc	01
3	Máy thủy chuẩn	Chiếc	02
4	Máy toàn đạc điện tử	Chiếc	02
5	Máy in A0	Chiếc	02
6	Máy định vị GPS	Chiếc	06
7	Máy in A4	Chiếc	05
8	Máy in laser A3	Chiếc	01
9	Bộ máy chủ	Bộ	02
10	Rouner	Chiếc	01
11	Bộ lưu điện (UPS) máy chủ	Chiếc	02

PHỤ LỤC SỐ 09

(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 20/ 4/ 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Bổ sung Mục XX Phụ lục tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng ban hành kèm theo Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố như sau:

TT	Chủng loại	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
XX	SỞ TÀI CHÍNH		
1	Máy photocopy	Chiếc	1
2	Máy scan	Chiếc	2
3	Màn hình LED	Chiếc	1